**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**(*Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)***

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE**

***(Bán niên 2022)***

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. **Mục tiêu của Quỹ:**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư, phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

|  |  |
| --- | --- |
| NAV ngày 30/06/2021 (VNĐ) | NAV ngày 30/06/2022 (VNĐ) |
| 110.305.485.761 | 114.347.726.661 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 3,66% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cùng kỳ năm trước.

1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở giao dịch chứng khoán.

1. **Phân loại Quỹ:**

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |
| --- | --- |
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) | 100.042.190.800 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) | 10.004.219,08 |

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.004.219,08 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.042.190.800 VNĐ.

1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VNĐ.

**II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2022**  **(%)** | **30/06/2021**  **(%)** | **30/06/2020**  **(%)** |
| 1. Trái phiếu chưa niêm yết | 8,73 |  |  |
| 1. Tiền gửi ngân hàng | 1,02 | 1,19 | 0,25 |
| 1. Các khoản tương đương tiền | 0 | 0 | 11,29 |
| 1. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng | 87,96 | 82,11 | 76,22 |
| 1. Chứng chỉ tiền gửi | 0 | 13,56 | 9,41 |
| 1. Khác | 2,29 | 3,14 | 2,83 |
| Cộng | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2022** | **30/06/2021** | **30/06/2020** |
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ) | 114.347.726.661 | 110.305.485.761 | 106.012.733.310 |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 10.004.219,08 | 10.006,827,21 | 10.058.831,58 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 11.429,95 | 11.023,02 | 10.539,27 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 11.429,95 | 11.023,02 | 10.539,27 |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 11.330,26 | 10.922,76 | 10.416,29 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (\*) | N/A (\*) | N/A (\*) |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với cùng kỳ năm trước. | 3,69 | 4,58 | 4,82 |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với cùng kỳ năm trước. | 3,69 | 4,58 | 4,82 |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) | N/A (\*\*) |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,01 | 2,06 | 2,09 |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 0 | 13,70 | 9,55 |

1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm** |
| - 1 năm | 3,69 | 3,69 |
| - 3 năm | 8,45 | 4,14 |
| - Từ khi thành lập | 14,30 | 4,21 |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 15,46% (\*\*\*) | -3,53% |

1. **Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/06/2022**  **(%)** | **30/06/2021**  **(%)** | **30/06/2020**  **(%)** | **30/06/2019**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 3,69 | 4,58 | 4,82 | 0,57 |

***Ghi chú:****.*

*N/A (\*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

*N/A (\*\*): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.*

*(\*\*\*): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo.*

**III.** **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

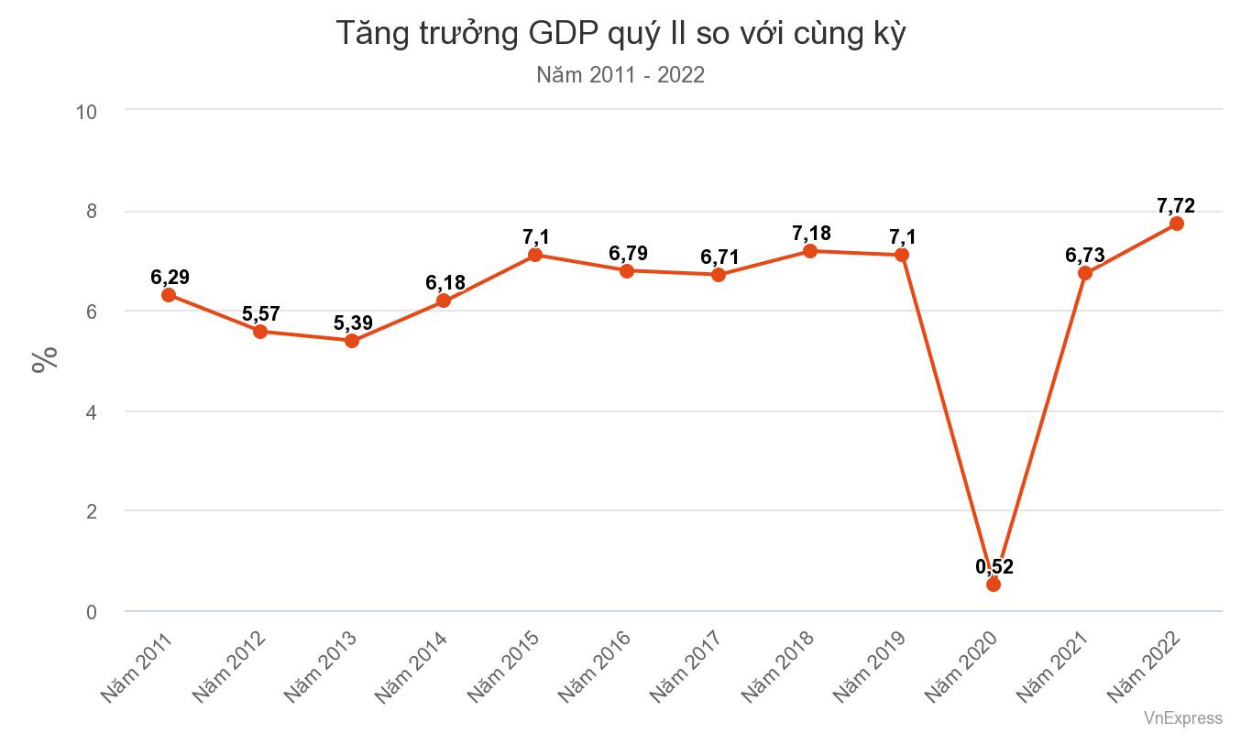
1. **Kinh tế Vĩ mô:**

**Tổng sản phẩm trong nước (GDP)**

Nền kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao trong Q2/2022, với GDP Q2/2022 tăng 7,72% so với cùng kỳ năm ngoái, tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011 và tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm đạt 6,4%.

GDP Q2/2022 tăng trưởng cao chủ yếu nhờ sự phục hồi của ngành dịch vụ:

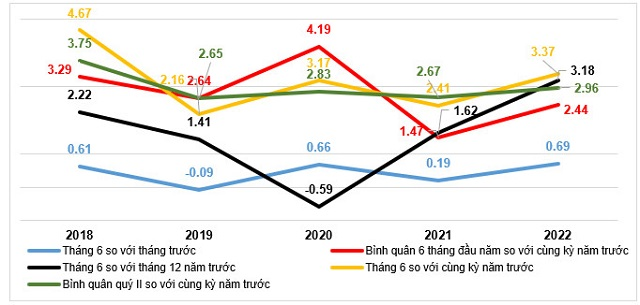
* Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,02% yoy trong Q2/2022 ( thấp hơn 4,01% yoy trong Q2/2021);
* Ngành công nghiệp và xây dựng tăng 8,87% yoy trong Q2/2022 (thấp hơn 10,36% yoy trong Q2/2021); và
* Ngành dịch vụ tăng 8,56% yoy trong Q2/2022 ( tăng trưởng cao hơn 4,22% yoy trong Q2/2021).

**

**Lạm phát**

CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 2,44% chủ yếu là do giá cả (xăng dầu, khí đốt, nguyên vật liệu, logistics và nhu cầu du lịch, ăn uống, đi lại…) đều tăng. Lạm phát cơ bản tăng 1,25% cho thấy lạm phát tăng chủ yếu là do yếu tố giá cả trong điều kiện vòng quay tiền vẫn ở mức thấp (chỉ khoảng 0,4 lần trong 6 tháng đầu năm).

Ba nhóm hàng hóa, dịch vụ khiến CPI tăng nhanh là: giao thông tăng 17,43% so với cùng kỳ năm trước (đóng góp 69,3% vào mức tăng chung), hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,5% (đóng góp 12,3% vào mức tăng chung), nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2% (đóng góp 15,6% vào mức tăng chung); Tuy nhiên, lĩnh vực giáo dục giảm 2,82% (giúp giảm 6,97% mức tăng chung).

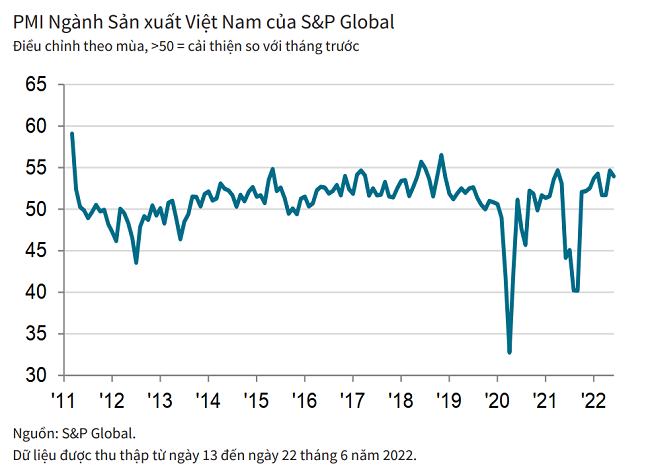
****

**Hoạt động sản xuất**

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt 54 điểm trong tháng 6, giảm nhẹ so với mức 54,7 điểm trong tháng 5 nhưng vẫn cho thấy sức khỏe ngành sản xuất cải thiện mạnh mẽ.

Ngành sản xuất của Việt Nam kết thúc nửa đầu năm 2022 trong xu hướng tăng trưởng chắc chắn khi nhu cầu và sản lượng được hỗ trợ trong bối cảnh không bị gián đoạn do đại dịch Covid-19. Các công ty cũng ngày càng tuyển được nhiều nhân viên hơn, và tốc độ tạo việc làm đã nhanh hơn thành mức cao của ba năm rưỡi.

Tuy nhiên, những khó khăn của khâu chuyển hàng trên toàn cầu và những hạn chế do Covid-19 ở Trung Quốc đã khiến thời gian giao hàng của nhà cung cấp bị kéo dài đáng kể, trong khi áp lực lạm phát vẫn tăng.



**Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá**

Theo báo cáo của Bộ Công Thương, trong tháng 6/2022, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 32,65 tỷ USD, tăng 5,6% so với tháng trước. Tính chung nửa đầu năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 185,94 tỷ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 28,4%).

Điểm nhấn là khu vực kinh tế trong nước đã có sự hồi phục mạnh mẽ sau một thời gian dài chịu tác động của đại dịch COVID-19. Với con số ước đạt 49,26 tỷ USD, khu vực này đóng góp 26,5% tổng kim ngạch xuất khẩu và tăng 20% so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 136,68 tỷ USD, tăng 16,3%, chiếm 73,5%.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2022 ước đạt 32,37 tỷ USD, giảm 0,8% so với tháng trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 185,23 tỷ USD, tăng 15,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 65,23 tỷ USD, tăng 15,2% còn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 120 tỷ USD, tăng 15,6%.

Theo thống kê, chiếm 88,8% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam trong 6 tháng vừa qua là nhóm hàng cần nhập khẩu (nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước) với kim ngạch đạt 164,5 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm 2021 (cùng kỳ tăng 35,6%).

Như vậy, tháng 6/2022, cán cân thương mại của cả nước ước tính xuất siêu 276 triệu USD. Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 710 triệu USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 1,86 tỷ USD).

**Hoạt động đầu tư**

* Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm ước đạt 192,2 nghìn tỷ đồng, bằng 35,3% kế hoạch năm và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 bằng 34,8% và tăng 11,9%).
* Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2022 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 14,03 tỷ USD, giảm 8,1% so với cùng kỳ năm trước.
* Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 6 tháng đầu năm 2022 ước tính đạt 10,06 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất của 6 tháng đầu năm trong 5 năm qua.
* Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2022 có 57 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 300,9 triệu USD, gấp 2,1 lần so với cùng kỳ năm trước; có 14 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 44,9 triệu USD, giảm 88,9%.

**Thị trường chứng khoán:**

Trong Qúy 2/2022 tăng trưởng EPS 17,5% nhưng VN-Index giảm 20% chứng tỏ thị trường đang chiết khấu rất lớn.

Nhà đầu tư cá nhân trong nước đã bán mạnh trong quý 2/2022 với giá trị bán ròng gần 6,5 nghìn tỷ đồng so với mức mua ròng trong quý 1/2022 là hơn 12,5 nghìn tỷ đồng, năm 2021 là 88,8 nghìn tỷ đồng, thể hiện tâm lý bi quan quá mức...

Trái lại, khối ngoại chiếm 8% tổng giá trị giao dịch quay trở lại mua ròng trong quý 2/2022 với giá trị 9,3 nghìn tỷ đồng, sau khi đã bán ròng khoảng 7,3 nghìn tỷ đồng trong quý 1/2022 và 58,4 nghìn tỷ đồng trong năm 2021.

Nhìn chung, thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh, với giá trị giao dịch hàng ngày đang ở mức thấp nhất trong vòng 1 năm qua, phản ánh tâm lý e dè của nhà đầu tư sau nhiều tháng thị trường sụt giảm mạnh. Kể từ tháng 11/2021, giá trị giao dịch bình quân hàng ngày đã liên tục giảm từ mốc hơn 30 nghìn tỷ/ngày xuống còn khoảng 13 nghìn tỷ đồng vào tháng 6/2022.

**Thị trường trái phiếu**

Trong tháng 6, Kho bạc Nhà nước chỉ huy động thành công 15,275 tỷ đồng/22,500 tỷ đồng gọi thầu. Tính chung cả quý 2, Kho bạc Nhà nước hoàn thành 23.17% kế hoạch. Kết thúc 6 tháng đầu năm, Kho bạc Nhà nước chỉ hoàn thành 17.27% kế hoạch năm, tương đương với khối lượng phát hành 69,087 tỷ đồng.

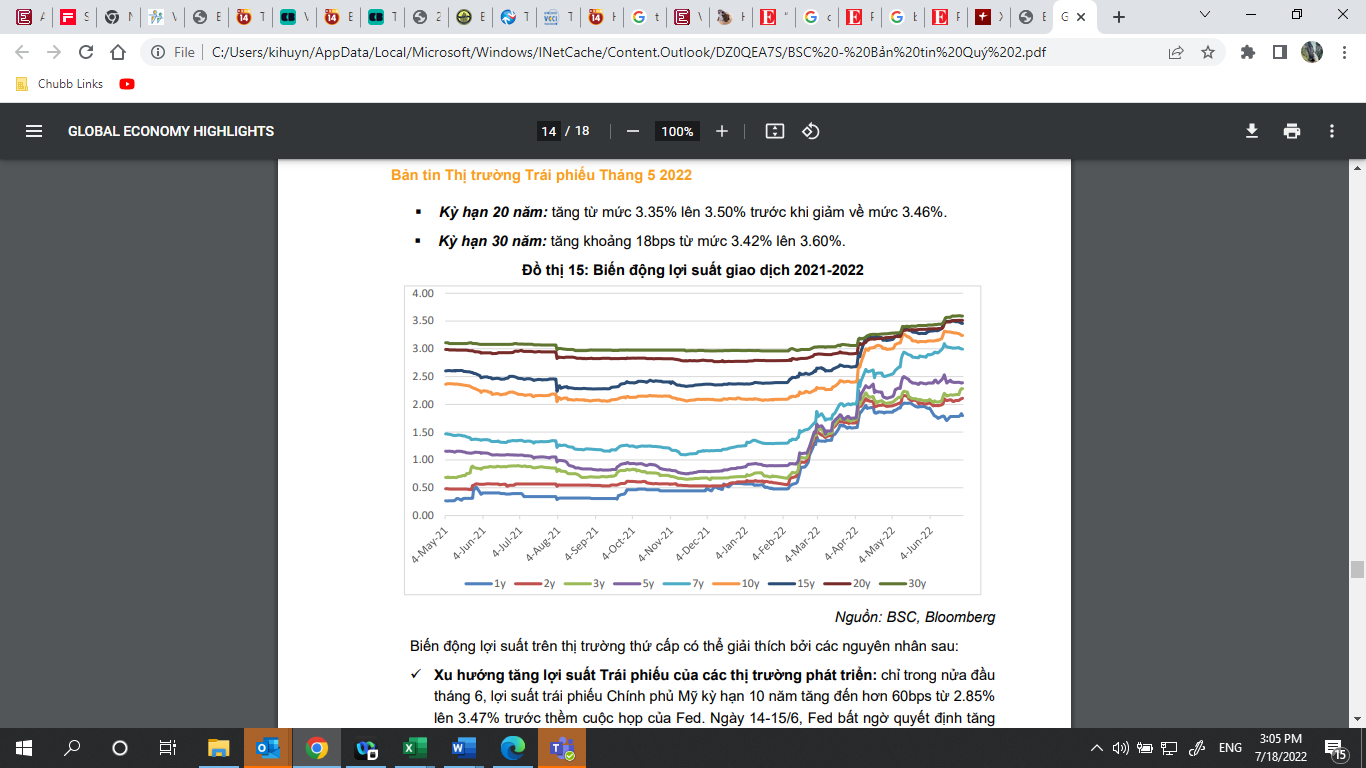
Giá trị giao dịch outright toàn thị trường trong tháng 6 đạt 103,962 tỷ đồng, tăng 31.70% so với tháng 5 (78,937 tỷ đồng). Giá trị giao dịch bình quân trong tháng đạt 4,726 tỷ đồng/phiên, tăng 31.82% so với tháng 5 (3,588 tỷ đồng/phiên).

Lợi suất trái phiếu các kỳ hạn tăng nhẹ trước khi giảm không đáng kể vào tuần cuối tháng.

Tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tăng trong tháng 6, trong đó, giá trị giao dịch mua đạt 415 tỷ đồng và giá trị giao dịch bán đạt 1,463 tỷ đồng. Tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chiếm 0.89% giá trị giao dịch toàn thị trường.

Trong tháng 6, khối lượng giao dịch HĐTL TPCP tiếp tục tăng. Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường lên tới hơn 33,485 tỷ đồng.

Về Trái phiếu doanh nghiệp, trong 6 tháng đầu năm 2022, có khoảng 276 đợt phát hành riêng lẻ với tổng giá trị phát hành đạt 192.792 tỷ đồng (trong đó gồm 2 đợt phát hành trái phiếu quốc tế với tổng giá trị phát hành 625 triệu USD của tập đoàn Vingroup). Ngoài ra, có 17 đợt phát hành ra công chúng với tổng giá trị phát hành 8.996 tỷ đồng (chiếm 5.47% tổng giá trị phát hành)



**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 3,69 | 6,61 | 6,65 |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 0,00 | 0,00 | 0,00 |
| **Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ** | 3,69 | 6,61 | 6,65 |
| Tăng trưởng hàng năm NAV/1 đơn vị CCQ | 3,69 | 4,14 | 4,21 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |

***Ghi chú:***

*N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.*

*N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.*

● Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:

● Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2022** | **30/06/2021** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3= ((1) - (2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 114.347.726.661 | 110.305.485.761 | 3,66% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 11.429,95 | 11.023,02 | 3,69% |

Trong giai đoạn từ 30/06/2021 đến 30/06/2022 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 3,66% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| *A* | *1* | *2* | *3* |
| Dưới 5.000 | 120 | 34.629,24 | 0,35% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 2 | 10.100,00 | 0,10% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 0 | 0 | 0,00% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | - | - | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 99,55% |
| **Tổng cộng** | **123** | **10.004.219,08** | **100,00%** |

**Ghi chú:** *Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

**V.** **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Chúng tôi dự báo lợi suất trái phiếu sẽ tăng trở lại trong Quý 3/2022 dựa trên kỳ vọng (1) Nhu cầu đầu tư TPCP nhằm đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn gia tăng theo quy mô tổng tài sản; (2) Chi phí vốn vẫn ở mức thấp trong nửa đầu năm và (3) Tăng trưởng tín dụng và giải ngân đầu tư công dự báo chưa có nhiều đột phá. Tuy nhiên, hoạt động chốt lời và áp lực huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu Chính phủ gia tăng cũng như tăng trưởng tín dụng và đầu tư công được cải thiện có thể sẽ đẩy lợi suất đi lên trong nửa cuối năm tới.

Một số yếu tố khác tác động đến thị trường trái phiếu trong năm 2022:

* Giải ngân vốn đầu tư công và áp lực phát hành trái phiếu Chính phủ: Uớc tính tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hết tháng 6 đạt 27,75% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn so với chỉ tiêu được giao. Với kết quả này, áp lực giải ngân sẽ đổ dồn vào những tháng còn lại trong năm. Khi giải ngân được đẩy mạnh, nhiều khả năng KBNN sẽ phải tăng khối lượng phát hành để đáp ứng nhu cầu huy động vốn.
* Chính sách tiền tệ: Năm 2021 Ngân hàng Nhà nước kiên định với chính sách nới lỏng tiền tệ nhằm thúc đẩy kinh tế hỗ trợ phục hồi sau đại dịch. Tuy vậy, trong bối cảnh lạm phát toàn cầu đang tăng cao, một số quốc gia đã bắt đầu thực hiện chính sách thắt chặt trở lại. Chúng tôi dự báo trong năm nay NHNN có thể sẽ thắt chặt tiền tệ tương tự các quốc gia khác.
* Chính sách tài khóa: Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, giải ngân vốn NSNN ước tăng 10.1% yoy (tương đương 192,235 tỷ đồng, bằng 35.3% so với kế hoạch năm 2022). Trong bối cảnh các nước trong khu vực đã phải tăng trần nợ công để tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế sau đại dịch Covid-19, không gian tài khóa của Việt Nam vẫn còn đủ mạnh để có thể thực hiện thêm các gói hỗ trợ tài khóa bên cạnh các gói chính sách như hiện tại.

Rủi ro biến động động ngoài dự kiến cho mặt bằng lãi suất có thể sẽ đến từ: (i) chiến tranh thương mại Mỹ- Trung Quốc ;(ii) khả năng kiểm soát Covid-19 trên phạm vi toàn cầu (iii) lạm phát do sự tắt nghẽn nguồn cung năng lượng từ xung đột chính trị Nga- Ucraina.

Từ các phân tích thị trường, Quỹ CBPF sẽ tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng, hạ thấp tỉ trọng các tài sản rủi ro trong giai đoạn sắp tới.

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

**Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Bùi Thanh Hiệp | Chủ tịch Công ty | CPA | Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam  Từ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam  Từ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN  Từ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam  Từ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam  Từ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam  Từ 06/2019 - 12/2021: Phó Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life  Từ 12/2021- nay: Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2010 - 2016: Trưởng phòng cấp cao Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam  Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam  Từ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |

**Ban đại diện quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch | Cử nhân | Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu -Công ty Quản lý quỹ Tower Mỹ Từ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - Mỹ Từ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam Từ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt Nam Từ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt Từ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt Từ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSC Từ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên | Thạc sỹ | Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group Từ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam. Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.  Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam Từ 6/2018 - 2019: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam. |
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC Từ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMG Từ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPĐD Pacific Rim Enterprises, LLC Từ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới Từ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An Gia Từ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir Từ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân |

**Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên | Cử nhân | Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông. Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam. Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge. Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB.  Từ 2015 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |
| Đinh Thị Hồng Vân | Thành viên | Cử nhân | Từ 09/2011-12/2011: Nhân viên phân tích tài chính – Công ty CP Đầu tư Long Quân. Từ 01/2012-01/2020: Nhân viên phân tích đầu tư - Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Việt Long. Từ 02/2020 – 09/2020: Phó Giám đốc Tài chính – Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV  Từ 09/2020 đến nay: Giám sát - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE**  **Chủ tịch Công ty**  **Bùi Thanh Hiệp** |